

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỊNH KHÊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND

Tĩnh Khê, ngày tháng 11 năm 2025

V/v báo cáo sơ kết 05 năm
thực hiện Chương trình Truyền
thông Dân số đến năm 2030

Kính gửi: Các Trạm Y tế trên địa bàn xã.

Thực hiện Công văn số 2589/SYT-DS ngày 12/11/2025 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 *(có văn bản kèm theo)*;

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo Sở Y tế, UBND xã đề nghị các Trạm Y tế trên địa bàn xã báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số theo Đề cương *(có đề cương đính kèm)*; đồng thời, gửi báo cáo cho UBND xã *(qua phòng Văn hoá – Xã hội, đồng chí Võ Thị Lợi – Chuyên viên; số điện thoại: 0935894476) trước ngày 16/11/2025*.

Đề nghị Thủ trưởng các Trạm Y tế triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(VX)UBND xã;
- Phòng Văn hoá – Xã hội;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Chính

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo 5 năm thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số
đến năm 2030 theo Quyết định số 537/QĐ-TTg
ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ**
(kèm theo Công văn số /UBND ngày /11/2025 của UBND xã Tịnh Khê)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Các văn bản đã được ban hành của các cấp uỷ, chính quyền địa phương để thực hiện Chương trình.

2. Kết quả thực hiện, khó khăn, hạn chế của một số nội dung chủ yếu về công tác dân số

2.1. Điều chỉnh mức sinh

- a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu
- b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về duy trì mức sinh thay thế
- c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về duy trì mức sinh thay thế

2.2. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

- a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu
- b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.
- c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

2.3. Nâng cao chất lượng dân số

- a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu
- b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về nâng cao chất lượng dân số
- c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về nâng cao chất lượng dân số

2.4. Thích ứng với già hóa dân số

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu

b) Kết quả hoạt động tuyên truyền, vận động về thích ứng với già hóa dân số

c) Tồn tại, hạn chế tuyên truyền, vận động về thích ứng với già hóa dân số

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về truyền thông dân số

3.1. Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp

- Tình hình ban hành kế hoạch, nghị quyết, văn bản hướng dẫn.

- Cung cấp thông tin cho cấp ủy, chính quyền; tuyên truyền, phổ biến pháp

luật; hội thảo, hội nghị (số cuộc, số lượt người tham gia) phân theo từng năm.

3.2. Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông về dân số

Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hội thảo, hội nghị, tập huấn; tổ chức tọa đàm, nói chuyện chuyên đề... (số cuộc, số lượt người tham gia) phân theo từng năm.

3.3. Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp cho cơ quan, đơn vị, địa phương

- Sản xuất video spot, radio spot, pano, áp- phích, băng rôn, tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, sổ tay (số lượng, tần suất) theo từng năm.

- Cung cấp trang thiết bị truyền thông: loa đài, trang thiết bị nghe nhìn... (số lượng) theo từng năm

3.4. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh, sự kiện truyền thông; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào các chương trình giải trí, thể thao, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng; khai thác, phát triển và tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác

- Truyền thông nhân các sự kiện: Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Thalassemia thế giới; ngày Dân số Thế giới; ngày tránh thai Thế giới; ngày Quốc tế Người cao tuổi, ngày Quốc tế Trẻ em gái, ngày dân số Việt Nam và tháng hành động Quốc gia về dân số. Kết quả thực hiện theo

hoạt động (mít tinh, cô đọng điều hành, tuyên truyền, sản xuất chuyên trang, chuyên mục ...) phân theo từng năm.

- Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: Số lượng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài phân theo từng năm.

- Truyền thông kỹ thuật số trên internet và mạng xã hội: Các hoạt động truyền thông trên trang fanpage, website; các hoạt động truyền thông thông qua kênh YouTube, Zalo, TikTok.

3.5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp trong hệ thống dân số các cấp; phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác dân số, y tế cơ sở nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển của các tầng lớp nhân dân

- Các hoạt động truyền thông thường xuyên về dân số tại cơ sở... (số cuộc, số người) phân theo từng năm: Tư vấn tại hộ gia đình; truyền thông, tư vấn tại trạm y tế; phối kết hợp truyền thông tại các hoạt động văn hóa, thể thao... tại cộng đồng (thôn, bản, sinh hoạt văn hóa khác trên địa bàn); truyền thông nhóm, thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề...

- Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số/ chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số (số lượng, số lượt người tham dự) phân theo năm.

3.6. Mở rộng các mô hình, câu lạc bộ truyền thông, giáo dục về dân số

Kết quả thực hiện các mô hình, đề án (số lượng, số người) phân theo năm: các mô hình, đề án về khuyến khích kết hôn, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số, tảo hôn và kết hôn cận huyết thống....

3.7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác truyền thông về dân số và phát triển

Kết quả các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông dân số (số cuộc, số người tham dự) phân theo từng năm.

3.8. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số và cán bộ truyền thông, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các ngành, các cấp

Kết quả các hoạt động đào tạo, tập huấn về truyền thông dân số (số cuộc, số người tham dự) phân theo từng năm.

3.9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm triển khai các chương trình truyền thông về dân số và phát triển của các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước

Kết quả huy động nguồn lực phân theo từng năm.

3.10. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ và đột xuất; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình

Kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật về truyền thông dân số (số cuộc, số địa bàn) phân theo từng năm.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình phân theo nguồn và từng năm trong giai đoạn 2020 – 2025.

- Kinh phí từ ngân sách địa phương.
- Kinh phí xã hội hoá.
- Kinh phí khác.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (*khách quan, chủ quan*)

4. Bài học kinh nghiệm

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình đến năm 2030.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền các cấp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình.
